

DANH MỤC THUỐC ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 7 THÔNG TƯ 15/2019/TT-BYT

(Cập nhật tới ngày 18/09/2023)

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SDK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
1	Imexpharm Corporation Branch III (IMP3)	No. 22, Street No. 2, Viet Nam Singapore industrial Zone II, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Viet Nam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	ES/106HY/19	24-07-2019	23-02-2022 (già hạn đến 31-12-2023)	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm IMETOXIM 1g (Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g) SDK: VD-26846-17 Ngày cấp: 22/06/2017 Ngày hết hạn: 22/06/2022 Tên sản phẩm: Viên nang cứng Opxil IMP 500 mg (Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat compacted) 500mg) SDK: VD-30400-18 Ngày cấp: 05/07/2018 Ngày hết hạn: 05/07/2023 Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Cefixime 200 mg (Cefixime (dưới dạng Cefixime trihydrat) 200mg) SDK: VD-35939-22 Ngày cấp: 09/12/2022 Ngày hết hạn: 09/12/2027 Tên sản phẩm: Bột pha hỗn dịch Imevix (Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat) 250mg) SDK: VD-32837-19 Ngày cấp: 01/08/2019 Ngày hết hạn: 01/08/2024	Tên sản phẩm: CEFOTAXIME NETPHARMALAB 1g bột pha dung dịch tiêm và tiêm truyền (Cefotaxim 1g) MA: PA22665/001/001 ngày 06/04/2018 CPP: C23/0325 ngày 13/03/2023 Tên sản phẩm: Viên nang cứng Opxil IMP 500 mg (Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat compacted) 500mg) MA: 85347-HU/H/0620/001/DC ngày 13/08/2020 Ngày hết hạn: 13/08/2025 Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Cefixime Netpharmalab 200 mg (Cefixime (dưới dạng Cefixime trihydrat) 200mg) MA: OGYI-T-24079/01 ngày 23/06/2022 Ngày hết hạn: 23/06/2027 Tên sản phẩm: Bột pha hỗn dịch uống Cefalexin Netpharmalab 250 mg (Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat) 250mg) MA: OGYI-T-23688/02 ngày 13/04/2022 Ngày hết hạn: 13/04/2027
2	Branch of Imexpharm Corporation	Vinh Loc Hi-Tech Pharmaceutical Antibiotic Plant, Lot B15/I - B16/I, Street 2A, Vinh Loc Industrial Park, Binh Hung Hoa B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Bồ Đào Nha cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	FT072/S1/MH/001/2018	02-01-2019	21-09-2021 (già hạn đến 31-12-2023)	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha hỗn dịch uống Pharmox IMP 250 mg (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg) SDK: VD-31725-19 Ngày cấp: 27/02/2019 Ngày hết hạn: 27/02/2024 Tên sản phẩm: Viên nang cứng Pharmox IMP 500 mg (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg) SDK: VD-28666-18 Ngày cấp: 08/01/2018 Ngày hết hạn: 08/01/2023	Tên sản phẩm: Thuốc Amoxicilina Netpharmalab 250 mg Bột pha hỗn dịch uống dạng gói EFG (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg) MA: 85966-PT/H/2339/001/DC ngày 16/05/2021 Ngày hết hạn: 16/05/2026 Tên sản phẩm: Thuốc Amoxicilina Netpharmalab 500 mg Capsulas duras EFG (Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg) MA: 85980-PT/H/2341/001/DC ngày 24/05/2021 Ngày hết hạn: 24/05/2026
3	Pymepharco Joint Stock - PME I Factory	166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam	EU-GMP	Cơ quan thẩm quyền Romania	007/2023/RO	29-03-2023	01-09-2024	Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Cepoxitil 200 (Cefpodoxime 200mg) SDK: VD-24433-16 Ngày cấp: 23/03/2016 Ngày hết hạn: 31/12/2024 Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Cepoxitil 100 (Cefpodoxime 100mg) SDK: VD-24432-16 Ngày cấp: 23/03/2016 Ngày hết hạn: 31/12/2024 Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Ceftriaxone EG 1g/10ml (Ceftriaxone 1g) SDK: VD-26402-17 Ngày cấp: 06/02/2017 Ngày hết hạn: 31/12/2024	Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Cefpodoxim Stada 200mg CPP: Ba7446 ngày 20/10/2020 Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Cefpodoxim Stada 100mg CPP: BE 0221-036 ngày 08/02/2021 Tên sản phẩm: Thuốc bột và dung môi pha dung dịch tiêm Ceftriaxone EG 1g/10ml CPP: 038013 ngày 26/10/2020
4	Stellapharm J.V. Co., Ltd. - Branch 1	No. 40 Tu Do Avenue, Vietnam - Singapore Industrial Park, An Phu Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Đức cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	DE_HE_01_GMP_2020_0081			Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoprolol Stada 5mg (Bisoprolol fumarat 5mg) (Tên tại Việt Nam: Bisostad 5) SDK: VD-23337-15 Ngày hết hạn: 21/12/2027	Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoprolol Stada 5mg (Bisoprolol fumarat 5mg) CPP: DeBP31 Ngày 04.02.2016

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP			SẢN PHẨM		
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN		VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SDK lưu hành
		Vietnam				03-06-2020 07-03-2022 (già hạn đến 31-12-2023)	Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoplus Stada 5mg/12,5mg (Bisoprolol fumarat 5mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Bisoplus HCT 5/12.5) SĐK: 893110049223 (VD-18530-13) Ngày hết hạn: 24/03/2028	Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoplus Stada 5mg/12,5mg (Bisoprolol fumarat 5mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) CPP: DEJM100 Ngày: 10.11.2014
					Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoplus Stada 10mg/25mg (Bisoprolol fumarat 10mg, Hydrochlorothiazid 25mg) Tên mới: Bisoplus HCT 10/25 SĐK: VD-19188-13 Ngày hết hạn: 20/04/2027		Tên sản phẩm: Viên bao phim Bisoplus Stada 10mg/25mg (Bisoprolol fumarat 10mg, Hydrochlorothiazid 25mg) CPP: DEJM99 Ngày 10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên nén Lisinopril Stada 10mg (Lisinopril 10mg); Tên mới: Lisinopril STELLA 10mg SĐK: VD-21533-14 Ngày hết hạn: 31/12/2024		Tên sản phẩm: Viên nén Lisinopril Stada 10mg (Lisinopril 10mg) CPP: DEJM90 Ngày: 10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên nén Lisiplus Stada 10mg/12,5mg (Lisinopril 10mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Lisiplus HCT 10/12.5) SĐK: VD-17766-12 Ngày hết hạn: 20/04/2027		Tên sản phẩm: Viên nén Lisiplus Stada 10mg/12,5mg (Lisinopril 10mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) CPP: DEJM96 Ngày: 10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên nén Lisiplus Stada 20mg/12,5mg (Lisinopril 20mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Lisiplus HCT 20/12.5) SĐK: VD-18111-12 Ngày hết hạn: 31/12/2024		Tên sản phẩm: Viên nén Lisiplus Stada 20mg/12,5mg (Lisinopril 20mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) CPP: DEJM92 Ngày: 10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên bao phim Losartan Stada 50mg (Losartan Kali 50mg) (Tên tại Việt Nam: Lostad T50) SĐK: VD-20373-13 Ngày hết hạn: 31/12/2024		Tên sản phẩm: Viên bao phim Losartan Stada 50mg (Losartan Kali 50mg) CPP: DeBP30 ngày 04.02.2016	
					Tên sản phẩm: Viên bao phim Metformin Stada 500mg (Metformin hydroclorid 500mg) Tên mới: Metformin STELLA 500mg SĐK: VD-23976-15 Ngày hết hạn: 23/05/2027		Tên sản phẩm: Viên bao phim Metformin Stada 500mg (Metformin hydroclorid 500mg) CPP: DeBP29 Ngày 04.02.2016	
					Tên sản phẩm: Viên bao phim Metformin Stada 850mg (Metformin hydroclorid 850mg) Tên mới: Metformin STELLA 850mg SĐK: VD-26565-17 Ngày hết hạn: 30/12/2027		Tên sản phẩm: Viên bao phim Metformin Stada 850mg (Metformin hydroclorid 850mg) CPP: DeBP28 Ngày 04.02.2016	
					Tên sản phẩm: Viên bao phim tan trong ruột Pantoprazol Stada 40mg (Tên tại Việt Nam: Pantostad 40) SĐK: VD-18535-13 Ngày hết hạn: 31/12/2024		Tên sản phẩm: Viên bao phim tan trong ruột Pantoprazol Stada 40mg CPP: DEJM103 Ngày: 10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên nén Paracetamol Stada 500mg (Tên tại Việt Nam: Partamol Tab.) SĐK: VD-23978-15 Ngày hết hạn: 31/12/2024		Tên sản phẩm: Viên nén Paracetamol Stada 500mg CPP: DEJM104 Ngày: 10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên bao phim Piracetam Stada 800mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 800) SĐK: VD-18538-13 Ngày hết hạn: 31/12/2024		Tên sản phẩm: Viên bao phim Piracetam Stada 800mg CPP: DEJM101 Ngày:10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên bao phim Piracetam Stada 1200mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 1200) SĐK: 893110050123 (VD-18536-13) Ngày hết hạn: 24/03/2028		Tên sản phẩm: Viên bao phim Piracetam Stada 1200mg CPP: DEJM102. Ngày: 10.11.2014	
					Tên sản phẩm: Viên nén giải phóng thay đổi Felodipin Stada 5mg retard (Felodipine 5mg) Tên mới: Felodipine STELLA 5mg retard SĐK: VD-26562-17 Ngày hết hạn: 31/12/2024		Tên sản phẩm: Viên nén giải phóng thay đổi Felodipin Stada 5mg retard (Felodipine 5mg) CPP: NUBQ31 Ngày 22.02.2017	

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Ibuprofen STADA 600 mg. Tên mới: Ibuprofen STELLA 600mg SĐK: VD-26564-17 Ngày hết hạn: 31/12/2024 Tên sản phẩm: Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 5mg; Tên tại Việt Nam: Amlodipine Stella 5 mg. SĐK: VD-30106-18 Ngày hết hạn: 31/12/2024 Tên sản phẩm: Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 10mg. Tên tại Việt Nam: Amlodipine Stella 10 mg. SĐK: VD-30105-18 Ngày hết hạn: 31/12/2024 Tên sản phẩm: Viên nang cứng Partamol 500 CAP (Paracetamol 500 mg) SĐK: 893100166923 Ngày cấp: 03/07/2023 Ngày hết hạn: 03/07/2028	Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Ibuprofen STADA 600 mg CPP: NJDR24 ngày 13.4.2018 Tên sản phẩm: Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 5mg CPP: NJBQ29 ngày 22.02.2017 Tên sản phẩm: Viên nén Amlodipine (besilat) Stada 10mg. CPP: NJBQ30 ngày 22.02.2017 Tên sản phẩm: Viên nang cứng Paracetamol Auxilto 500 mg Kapseln (Paracetamol 500 mg) MA: 3599.99.99 ngày 25.11.2019 CPP: MT 0723 - 086 ngày 12.07.2023
5	Tenamyd Pharmaceutical Corporation	Lot. Y. 01-02A, Tan Thuan Street, Tan Thuan Industrial Park/Export Processing Zone, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Bulgary cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	BG/GMP/2020/168			Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Cefuroxime 1500 SĐK: VD-19453-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Ngày hết hạn: 03/02/2022 Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Cefuroxime 750 SĐK: VD-19452-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Gia hạn SĐK đến ngày 22/03/2026 theo QĐ số 132/QĐ-QLD ngày 22/03/2021.	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm Cefuroxime Tenamyd 1500mg MA: BG/MA/MP-40082/05.01.2018 ngày 16/12/2022. Tên sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm Cefuroxime Tenamyd 750mg MA: BG/MA/MP-40081/05.01.2018 ngày 16/12/2022.
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Ceftriaxone 500 SĐK: VD-19451-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Ngày hết hạn: 03/02/2022 Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Ceftriaxone 2000 SĐK: VD-19450-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Gia hạn SĐK đến ngày 20/04/2027 theo QĐ 201/QĐ-QLD ngày 20/04/2022.	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm Tenaxone 500mg (Ceftriaxone 500mg) MA: BG/MA/MP-41575/07.06.2018 Ngày hết hạn: 07/06/2023 Tên sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm Ceftriaxone Tenamyd 2000mg (Ceftriaxone 2000mg) MA: BG/MA/MP-41577/07.06.2018 cập nhật ngày 15/05/2023 Hiệu lực: Không xác định thời hạn
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-Ceftriaxone 1000 SĐK: 893110098223 (VD-19449-13) Ngày cấp: 25/05/2023 Ngày hết hạn: 25/05/2028 Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-ceftazidime 2000 SĐK: VD-19448-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Gia hạn SĐK đến ngày 03/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 295e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm Ceftriaxone Tenamyd 1000mg (Ceftriaxone 1000mg) MA: BG/MA/MP-41576/07.06.2018 cập nhật ngày 15/05/2023 Hiệu lực: Không xác định thời hạn Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Zidimcef Tenamyd 2g MA: BG/MA/MP-49758/25.02.2020 Ngày hết hạn: 25/02/2025
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-ceftazidime 1000 SĐK: VD-19447-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Gia hạn SĐK đến ngày 03/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 296e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021 Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyd-ceftazidime 500 SĐK: VD-19444-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Gia hạn SĐK đến ngày 03/02/2022 theo Công văn gia hạn SĐK số 297e/QLD-ĐK ngày 03/02/2021	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Zidimcef Tenamyd 1g MA: BG/MA/MP-49757/25.02.2020 Ngày hết hạn: 25/02/2025 Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Zidimcef Tenamyd 500mg MA: BG/MA/MP-49756/25.02.2020 Ngày hết hạn: 25/02/2025

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyl-cefotaxime 500 SĐK: VD-19446-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Gia hạn SDK đến ngày 08/10/2026 theo QĐ số 132/QĐ-QLD ngày 22/03/2021.	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenataxime 500mg MA: BG/MA/MP-59807/04-08-2022 Hiệu lực: Không xác định thời hạn
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyl-cefotaxime 1000 SĐK: VD-19443-13 Ngày cấp: 10/09/2013 Gia hạn SDK đến ngày 08/10/2026 theo QĐ số 572/QĐ-QLD ngày 08/10/2021.	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenataxime 1g MA: BG/MA/MP-59808/04-08-2022 Hiệu lực: Không xác định thời hạn
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenamyl-cefotaxime 2000 SĐK: 893110044523 (VD-19445-13) Ngày cấp: 24/03/2023 Ngày hết hạn: 24/03/2028	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Tenataxime 2g MA: BG/MA/MP-42008/25.07.2018 cập nhật ngày 15/05/2023 Hiệu lực: Không xác định thời hạn
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Pimefast 2000 SĐK: VD-23659-15 Ngày cấp: 17/12/2015 Gia hạn SDK đến ngày 25/05/2027 theo Công văn gia hạn SDK số 279/QĐ-QLD ngày 25/05/2022	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Cefepime Tenamyl 2g MA: BG/MA/MP-46113/19.06.2019 Ngày hết hạn: 19/06/2024
								Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Pimefast 1000 SĐK: VD-23658-15 Ngày cấp: 17/12/2015 Gia hạn SDK đến ngày 25/05/2027 theo Công văn gia hạn SDK số 279/QĐ-QLD ngày 25/05/2022	Tên sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Cefepime Tenamyl 1g MA: BG/MA/MP-46112/19.06.2019 Ngày hết hạn: 19/06/2024
6	Medochemie (Far East) Ltd., (Oral Facility)	No. 40, VSIP II Street 6, Vietnam-Singapore Industrial Park II, Binh Duong Industry-Service-Urban Complex, Hoa Phu ward, Thu Dau Mot city, Binh Duong province, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Síp cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	MED08/2018/001			Tên sản phẩm: Viên nén Hurmat 25mg SĐK: GC-283-17 Ngày cấp: 19/09/2017 Ngày hết hạn: 19/09/2022 Gia hạn SDK đến ngày 31/12/2024 theo Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023	Tên sản phẩm: Viên nén Rilcapton 25mg CPP: 0652/21 ngày 20/04/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén Aeralgin 400mg SĐK: GC-315-19 Ngày cấp: 27/02/2019 Ngày hết hạn: 27/02/2024	Tên sản phẩm: Viên nén Medovir 400mg CPP: 0653/21 ngày 20/04/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén Aeralgin 800mg SĐK: GC-316-19 Ngày cấp: 27/02/2019 Ngày hết hạn: 27/02/2024	Tên sản phẩm: Viên nén Medovir 800mg CPP: 0654/21 ngày 20/04/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Angioblock 80mg SĐK: GC-341-21 Ngày cấp: 23/06/2021 Ngày hết hạn: 23/06/2026	Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Vapress 80mg CPP: 0891/21 ngày 09/06/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Angioblock 160mg SĐK: GC-340-21 Ngày cấp: 23/06/2021 Ngày hết hạn: 23/06/2026	Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Vapress 160mg CPP: 0892/21 ngày 09/06/2021
								Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Tamisynt 500mg SĐK: GC-246-16 Ngày cấp: 15/07/2016 Ngày hết hạn: 15/07/2021 Gia hạn SDK đến ngày 31/12/2024 theo Quyết định số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023	Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Medociprin 500mg CPP: 0656/21 ngày 20/04/2021

TT	TÊN CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ	CHỨNG NHẬN GMP					SẢN PHẨM	
			TIÊU CHUẨN	CƠ QUAN CẤP CHỨNG NHẬN (ĐÁNH GIÁ XÁC NHẬN)	GIẤY CHỨNG NHẬN			VIỆT NAM	SRA
					Mã số	Ngày cấp	Hết hạn	SĐK lưu hành	Giấy phép lưu hành / CPP, Giấy tờ pháp lý khác
7	Medochemie (Far East) Ltd., (Aseptic Cephalosporin Facility)	No 10, 12 and 16, VSIP II-A, Street 27, Vietnam-Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan commune, Tan Uyen town, Binh Duong province, Vietnam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Síp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	MED10/2020/001	03-02-2020	15-09-2020 (giã hạn đến 31-12-2023)	Tên sản phẩm: Bột pha tiêm Oramycin 750mg (Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime Sodium) 750mg) SĐK: GC-344-22 Ngày cấp: 21/12/2022 Ngày hết hạn: 21/12/2027	Tên sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm/tiêm truyền Axetine 750mg (Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime Sodium) 750mg) CPP: 1780/22 ngày 02/12/2022
								Tên sản phẩm: Bột pha tiêm Oramycin 1.5g (Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime Sodium) 1.5g) SĐK: GC-343-22 Ngày cấp: 21/12/2022 Ngày hết hạn: 21/12/2027	Tên sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm/tiêm truyền Axetine 1.5g (Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime Sodium) 1.5g) CPP: 1781/22 ngày 02/12/2022
								Tên sản phẩm: Bột pha tiêm Zamifen 1g (Cefazolin (dưới dạng Cefazolin sodium) 1g) SĐK: 893610167123 Ngày cấp: 03/07/2023 Ngày hết hạn: 03/07/2028	Tên sản phẩm: Bột pha tiêm Zepilen 1g (Cefazolin (dưới dạng Cefazolin sodium) 1g) MA: 12771 ngày 06/07/1990 CPP: 0342/23 ngày 14/03/2023
8	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Lô 512, đường 13, khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Cơ quan thẩm quyền Nhật Bản cấp	5130408003836	01-11-2022	31-10-2025	Tên sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch Sodium chloride 0,9% SĐK: VD-35673-22 Ngày cấp: 23/06/2022 Ngày hết hạn: 23/06/2027	Tên sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch Otsuka Normal Saline Approval No.: 14900AMZ00188000 Certificate: 1824 ngày 13/07/2022
9	Branch Of Imexpharm Corporation Binh Duong Hi-Tech Plant	Vietnam Singapore Industrial Park II, Hoa Phu Ward, No 21 Road No 4, Thu Dau Mot, Viet Nam	EU-GMP	- Cơ quan thẩm quyền Hungary cấp - Cục Quản lý Dược Việt Nam đánh giá xác nhận	OGYÉI/17243-6/2022	18-07-2022	06-05-2025	Tên sản phẩm: Bột đông khô pha tiêm Pantoprazole 40mg (Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole natri sequihydrat) 40mg) SĐK: VD-35195-21 Ngày cấp: 23/06/2021 Ngày hết hạn: 23/06/2026	Tên sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm Pantoprazol Netpharmalab 40 mg (Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazole natri sequihydrat 45,1 mg) 40,0 mg) MA: OGYI-T-24095/01 ngày 27/07/2022 Ngày hết hạn: 27/07/2027
10	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Số 76 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	Cơ quan thẩm quyền Nhật Bản cấp	Báo cáo thanh tra 16-08-2018	16-08-2018	15-06-2023	Tên sản phẩm: Viên nén bao phim Rebamipide 100mg Nippon Chemiphar SĐK: VD-36246-22 Ngày cấp: 30/12/2022 Ngày hết hạn: 30/12/2027	Tên sản phẩm: Rebamipide Tablets 100mg "Chemiphar" Approval No.: 22100AMX0198600 Certificate: 4420 ngày 23/12/2022